

Số: 156/2021/QĐST- HNGĐ

Ninh Bình, ngày 06 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 201/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/11/2021 về “*Xin ly hôn, Tranh chấp nuôi con chung*” giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Ngọc P, sinh năm 1976;

- Bị đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1987;

Cùng HKTT: Số 06, phố B, phường B, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ hiện nay: Khu nhà trọ tại số nhà 12, ngõ 466, đường N, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Ngọc P và chị Phạm Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Chị Phạm Thị T và anh Trần Ngọc P đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Minh H, sinh ngày 06/4/2013. Khi ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Minh H. Anh P có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là

1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) kể từ tháng 12/2021 đến khi cháu Hoàng đủ 18 tuổi.

Ngoài ra anh Trần Ngọc P tự nguyện thanh toán hỗ trợ cho chị T số tiền là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) để nuôi con. Số tiền này anh P đã thanh toán xong cho chị T tại Tòa án.

Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Anh Trần Ngọc P và chị Phạm Ngọc T đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Anh Trần Ngọc P tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng. Tổng cộng là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000685 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục P thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB (1).
- VKSND TP. Ninh Bình (3).
- CCTHADS TP. Ninh Bình (1).
- UBND phường, xã.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Bích Thủy